

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Ý YÊN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29 - 3 - 2021  
V/v Ly hôn giữa ông Đ, bà T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Bà Trương Thị Dung.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Đ - Sinh năm 1960.

Bị đơn: Bà Vũ Thị T - Sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị T: Bà Vũ Thị N - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Ông Vũ Văn T - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh N.

(Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt); bà T, bà N, ông T vắng mặt không có lý do.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, bản tự khai ngày 10/11/2020, đơn đề nghị nộp ngày 02/12/2020 nguyên đơn ông Vũ Văn Đ trình bày:

Ông và bà Vũ Thị T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc sau đó P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông và gia đình bà T hay xảy ra mâu thuẫn, đồng thời ông và bà T bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra va chạm, năm 2013 bà T thường

xuyên chữi mắg ông vô có. Ông đã đưa bà T đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định. Tại Giấy chứng nhận Sức khỏe tâm thần ngày 24/5/2013 do Giám đốc bệnh viện tâm thần ông Hoàng Văn Nghĩa đã kết luận: Bà T bị tâm thần phân liệt, một bệnh tâm thần mãn tính được Nhà nước cấp thuốc điều trị lâu dài. Hiện tại bà T đang được điều trị thuốc và theo dõi quản lý tại Trạm y tế xã B. Bản thân ông không thể chịu đựng được bà T nên năm 2013 ông đã vào Nam sinh sống, kể từ đó chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T

Ông Đ đã được Tòa án giải thích để ông thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố bà Vũ Thị T là người mất năng lực hành vi dân sự, nhưng ông thấy không cần thiết nên không yêu cầu Tòa án hay bắt cứ ai đưa bà T đi giám định tâm thần, cũng không yêu cầu phải tuyên bố bà Vũ Thị T là người mất năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Ông Đ, bà T có 01 con chung là cháu Vũ Xuân P, sinh ngày 07/01/2008. Ông Đ đề nghị được nuôi cháu P, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được cho ông, bà. Ông Đ có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020, ngày 06/01/2021, người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị T là bà Vũ Thị N trình bày:

Bà xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa ông Đ và bà T như ông Đ trình bày. Theo bà, sau khi kết hôn vợ chồng ông Đ, bà T sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01/2008 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ, bà T bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Đ không còn tình cảm với bà T nên trước đây đã có đơn xin ly hôn lên Tòa án nhưng đã rút đơn lại. Ông Đ, bà T đã sống ly thân nhau 10 năm nay. Bà T hiện tại đang bị tâm thần phân liệt, một bệnh tâm thần mãn tính được Nhà nước cấp thuốc quản lý điều trị lâu dài theo Giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần ngày 24/5/2013 của Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định, bà T thuộc diện được cấp thuốc uống miễn phí tại Trạm y tế xã B.

Việc ông Đ ra Tòa xin ly hôn bà T là quá đáng, đề nghị ông Đ phải có trách nhiệm với cháu P. Bà T hiện bị bệnh tâm thần phân liệt nhưng bà N không yêu cầu Tòa án hay bắt cứ ai đưa bà T đi giám định tâm thần, cũng không yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T là người mất năng lực hành vi dân sự. Bà N đề nghị chính quyền địa

phương hỗ trợ cùng gia đình tạo điều kiện giúp đỡ cho bà T được chữa bệnh. Việc ông Đ xin ly hôn bà T, đề nghị tòa án căn cứ vào Luật giải quyết công bằng.

Về con chung: Bà xác nhận ông Đ, bà T có một con chung là Vũ Xuân P, sinh ngày 07/01/2008. Bà nắm được quan điểm của bà T đề nghị được nuôi con chung, đề nghị ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T

Về tài sản chung và các vấn khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Ông Đ, bà T không có gì liên quan.

3. Quan điểm của người làm chứng là ông Vũ Văn T tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021: Đồng ý với quan điểm của bà Vũ Thị N.

4. Tại biên bản làm việc ngày 06/01/2021, chính quyền địa phương xã B cung cấp: Bà T hiện đang có biểu hiện bị tâm thần phân liệt, lúc bình thường, lúc không nhận thức được gì. Hiện nay bà T đang được quản lý, điều trị bệnh tại cộng đồng, cụ thể là Trạm y tế xã B. Địa phương cung cấp cho Tòa án bản photo Hồ sơ bệnh nhân tâm thần phân liệt được quản lý tại cộng đồng và cung cấp bản sao Giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần đối với bà T do ông ông Hoàng Văn Nghĩa giám đốc bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định kí ngày 24/5/2013.

5. Tại biên bản làm việc ngày 21/01/2021, đại diện Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định cung cấp thông tin như sau: Bệnh nhân bà Vũ Thị T đã nằm điều trị nội trú tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định từ ngày 12/4/2013 đến ngày 20/5/2013 với chẩn đoán khi ra viện là: Tâm thần phân liệt thể paranoid (Theo mã ICD10:F20.0). Hiện tại bà T vẫn đang được điều trị thuốc và theo dõi quản lý tại tuyến y tế cơ sở - Trạm y tế xã B. Theo Giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần ngày 24/5/2013 do Giám đốc bệnh viện tâm thần - ông Hoàng Văn Nghĩa đã kết luận: “Bệnh nhân bị bệnh tâm thần phân liệt, một bệnh tâm thần mãn tính được Nhà nước cấp thuốc quản lý, điều trị lâu dài”.

6. Kiểm sát viên P biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị T; Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Vũ Xuân P, sinh ngày 07/01/2008 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông; Về tài sản chung và

các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ông Đ xin giải quyết vắng mặt. Bà T và bà N mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của ông Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ có đề nghị xin xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị T và người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị T mặc dù đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị T trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Đ, bà T chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2008 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai người sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà T bị tâm thần phân liệt, những khi tái P có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe những người xung quanh. Vì vậy, đã có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đ, xử cho ông và bà T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Đ, bà T có 01 con chung là Vũ Xuân P, sinh ngày 07/01/2008. Ông Đ, bà T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu P có đơn xin được ở với bố, bản thân bà T bị bệnh tâm thần phân liệt nên việc làm và thu nhập của bà T không ổn định, không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung được. Vì vậy, cần giao cháu P cho ông Đ nuôi dưỡng, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị T

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Xuân P, sinh ngày 07/01/2008 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Đ.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng, trừ tại Biên lai thu số AA/2015/0001570 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà T, người đại diện hợp pháp của bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Vũ Văn Anh**

